TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2018/HS-PT
Ngày 06 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Bà Châu Minh Hoàng
- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Quách Xía Muội – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 05 và 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2018/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Trần Hoàng A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- *Bị cáo có kháng cáo*:
Họ và tên: Trần Hoàng A, sinh năm 1978, tại ấp TNĐ, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; đăng ký thường trú: Ấp TNĐ, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khóm 1, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Cán bộ; chức vụ: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, tạm đình chỉ sinh hoạt đảng: 01/11/2013; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H (chết) và bà: Lê Thị Đ (chết); vợ: Cao Thị C; con 02 người; tiền án, tiền sự: Không; đang bị Công an huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau khởi tố điều tra về hành vi "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sả*n" ở vụ án khác; bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:
1. Luật sư, Phương Văn Thêm, Văn phòng luật sư Phương Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
2. Luật sư, Nguyễn Thanh Năm, Văn phòng luật sư Phương Gia thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
3. Luật sư, Huỳnh Hồ Minh Hải, Văn phòng luật sư Phương Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Luật sư, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Văn phòng luật sư DHL thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo:

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1978; chức vụ: Phó Chủ tịch; địa chỉ cư trú: Ấp TNĐ, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; văn bản ủy quyền số 01 ngày 18/10/2018 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1952 (có mặt).
2. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1975 (có mặt).
3. Ông Thạch Văn T, sinh năm 1959 (có mặt).
4. Ông Kim Văn M, sinh năm 1970 (vắng mặt).
5. Ông Danh Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt).
6. Ông Thạch Văn C, sinh năm 1977 (vắng mặt).
7. Ông Sơn Kha L (Sơn Mã L), sinh năm 1966 (vắng mặt).
8. Ông Triệu Quang T, sinh năm 1968 (vắng mặt).
9. Ông Sơn Út L, sinh năm 1977 (vắng mặt).
10. Ông Thạch Văn C1, sinh năm 1954 (vắng mặt).
11. Ông Triệu Văn Hổ I, sinh năm 1976 (vắng mặt).
12. Ông Trần Hoàng D (vắng mặt, đã chết).
13. Ông Thạch Văn Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt).
14. Bà Lê Lệ N, sinh năm 1956 (vắng mặt).
15. Ông Thạch Văn T, sinh năm 1955 (vắng mặt, đã chết).
16. Ông Trần Văn S (vắng mặt).
17. Ông Trương Đông B, sinh năm 1960 (vắng mặt).
18. Bà Sơn Thị S (vắng mặt).
19. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1956 (vắng mặt).
20. Ông Triệu Quang H (vắng mặt).
21. Ông Sơn văn K (vắng mặt, đã chết).
22. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp HHT, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

23. Ông Sơn Văn M, sinh năm 1970 (có mặt).
24. Bà Kim Thị L, sinh năm 1962 (có mặt).
25. Ông Thạch B, 40 tuổi (có mặt).
26. Ông Thạch N (vắng mặt).
27. Bà Kim Thị H (vắng mặt).
28. Ông Kim Văn C (vắng mặt).
29. Ông Thạch Văn C (vắng mặt).
30. Ông Lý P, sinh năm 1959 (vắng mặt).
31. Ông Lý Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

32. Ông Kim Văn C, sinh năm 1954 (vắng mặt).

33. Ông Kim Văn X, sinh năm 1955 (vắng mặt).

34. Ông Kim Văn X1, sinh năm 1956 (vắng mặt).

35. Ông Kim Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

36. Ông Kim Văn X2 (vắng mặt).

37. Ông Thạch Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

38. Ông Thạch Văn H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

39. Ông Kim Văn T1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

40. Ông Kim Văn N (vắng mặt).

41. Ông Thạch T (vắng mặt).

42. Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp TN, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

43. Ông Trần Văn D; nơi cư trú: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

44. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

45. Ông Dương Ba N, sinh năm 1983 (có mặt).

46. Ông Dương Minh S, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp TH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

47. Ông Trương Đông G, sinh năm 1984; (có mặt).

48. Bà Trương Thị Sol P; nơi cư trú: Ấp HHT, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp PH, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

49. Bà Võ Hồng S, 1984; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

50. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 (có mặt).

51. Ông Lê Hoài H, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

52. Ông Trần Thanh B (vắng mặt).

53. Ông Lê Văn T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp HHT, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

54. Ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp TN, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

55. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953; nơi cư trú: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

56. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng A, Phó Chủ tịch của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh phụ trách văn hóa – xã hội, đến 01/11/2011 là Phó Chủ tịch thường trực phụ trách kinh tế, được phân công làm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và quản lý việc

thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định 74) về một số chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2008 – 2010. Trần Hoàng A chỉ đạo các ấp lập danh sách các hộ được hưởng theo Quyết định, sau đó tổng hợp danh sách ký trình Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi phê duyệt và đã ký giấy rút tiền hai lần với tổng số tiền 384.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 13/12/2010, ký giấy rút tiền giao cho Võ Hồng S – cán bộ Kế toán rút 198.000.000 đồng, sau khi rút tiền về S giao lại cho Trần Hoàng A quản lý, có làm biên nhận. Ngày 28/01/2011, ký giấy rút tiền giao cho Nguyễn Văn V – cán bộ Thống kê rút 186.000.000 đồng, sau khi rút về V giao lại cho Trần Hoàng A quản lý, có làm biên nhận. Các khoản tiền này gồm: Tiền cấp mua sắm dụng cụ lao động, chuyển đổi ngành nghề sản xuất 282.000.000 đồng và tiền mở lớp may dân dụng 102.000.000 đồng.

Đối với số tiền cấp mua sắm dụng cụ lao động, chuyển đổi ngành nghề sản xuất cho 94 hộ đồng bào dân tộc thiểu số 282.000.000 đồng do Trần Hoàng A trực tiếp quản lý và cấp phát cho đối tượng được hưởng mỗi hộ 3.000.000 đồng và lập danh sách cấp tiền giao bộ phận kế toán, thũ quỹ ra phiếu chi để quyết toán.

Kết quả điều tra xác định trong số 94 hộ có danh sách được cấp tiền thì thấy: Có 36 hộ đã nhận số tiền 108.000.000 đồng, qua đối chất có 16 hộ khẳng định do Trần Hoàng A trực tiếp cấp tiền, 20 hộ không nhớ ai cấp. Có 47 hộ chưa được nhận tiền với số tiền 141.000.000 đồng (trong đó, có 4 hộ không có hộ khẩu tại đại phương). Còn lại 11 hộ hiện nay bỏ địa phương đi làm ăn xa chưa làm việc được (cơ quan điều tra tách ra xử lý sau).

Qua làm việc với những hộ đã nhận tiền và chưa nhận tiền đều không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong danh sách cấp tiền ngày 15/02/2011 do họ hoặc người thân của họ ký và viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Áp dụng Điểm d khoản 2 Điều 355; điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng A 07 (bảy) năm tù về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo Trần Hoàng A đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến việc quản lý kinh tế nhà nước trong thời hạn 03 năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Trần Hoàng A có trách nhiệm trả lại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau số tiền chiếm đoạt là 141.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi mốt triệu đồng*).

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh thực hiện chi cấp tiền cho các đối tượng chưa nhận tiền hỗ trợ theo Quyết định 74 khi bị cáo trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh số tiền chiếm đoạt nêu trên đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/7/2018, bị cáo Trần Hoàng A có đơn kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ tránh bỏ lọt tội phạm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với bị cáo Trần Hoàng A.

Bị cáo và các Luật sư bào chữa cho rằng: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bị cáo không chiếm đoạt tiền nên đề nghị cấp phúc thẩm tuyên xử bị cáo không phạm tội hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Hoàng A nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, từng được phân công phụ trách văn hóa – xã hội, Phó chủ tịch thường trực, phụ trách kinh tế. Trong thời gian từ năm 2010 đến 2011, thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ, lợi dụng sự quản lý lỏng lẽo của đơn vị, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Trần Hoàng A đã chỉ đạo cho các Trưởng ấp báo cáo danh sách đối tượng hộ dân tộc nghèo, cận nghèo để tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng hỗ trợ 3.000.000 đồng tiền mua sắm dụng cụ lao động chuyển đổi ngành nghề. Kết quả xã Ngọc Chánh đã báo cáo danh sách và được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi phê duyệt tổng số 94 hộ được hưởng chế độ chính sách.

Khi có thông báo giải ngân, Trần Hoàng A hai lần ký giấy giới thiệu cho Võ Hồng S và Nguyễn Văn V cán bộ của xã rút 384.000.000 đồng vào các ngày 13/12/2010 và 28/01/2011, gồm tiền mua sắm dụng cụ lao động chuyển đổi ngành nghề 282.000.000 đồng; tiền mở lớp may dân dụng 102.000.000 đồng về giao lại cho Trần Hoàng A cất giữ (có biên nhận giao tiền). Sau đó Trần Hoàng A trực tiếp quản lý tiền, tổ chức cấp phát tiền cho các hộ thuộc đối tượng được hưởng chế độ chuyển đổi ngành nghề, mỗi hộ 3.000.000 đồng. Thực tế qua xác minh trong số 94 hộ có danh sách được cấp phát tiền ghi ngày 15/02/2011 đã quyết toán thì có 36 hộ đã nhận số tiền 108.000.000 đồng; 11 hộ bỏ địa phương chưa làm việc được; 47 hộ chưa nhận được tiền với số tiền là 141.000.000 đồng. Trần Hoàng A đã nhờ các cán bộ xã gồm: Nguyễn Văn V, Lê Hoài H, Trương Đông G viết và ký tên thay cho người nhận tiền trong danh sách ký nhận tiền ghi ngày 15/02/2011 và chỉ đạo cho Kế toán Dương Ba N, Thủ quỹ Dương Văn S ký 04 phiếu chi số 143, 144, 145, 146 cùng ngày 15/02/2011 để hoàn tất thủ tục thanh quyết toán 282.000.000

đồng. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã chấp nhận thanh quyết toán xong số tiền 282.000.000 đồng nêu trên.

Theo kết luận giám định số 230 ngày 19/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên trong danh sách cấp tiền ghi ngày 15/02/2011 của 81 đối tượng là do cùng một người viết ra. Làm việc với các đối tượng đã nhận và chưa nhận tiền đều không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong danh sách ngày 15/02/2011 là của họ.

Từ căn cứ trên, án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau kết luận Trần Hoàng A được giao quản lý 282.000.000 đồng để cấp phát cho các đối tượng hộ dân tộc thiểu số nghèo ở địa phương nhưng không cấp phát đầy đủ, chiếm đoạt của 47 đối tượng, số tiền 141.000.000 đồng, xử bị cáo phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hoàng A thừa nhận có ký danh sách các hộ người dân tộc nghèo trong xã gửi Ủy ban nhân dân huyện để được phê duyệt hưởng tiền chính sách; có ký giấy cho chị S, anh V rút tổng số tiền 384.000.000 đồng, trong đó có 282.000.000 đồng tiền mua sắm dụng cụ lao động chuyển đổi ngành nghề; có giữ tiền mua sắm dụng cụ lao động chuyển đổi ngành nghề 282.000.000 đồng; có ký danh sách cấp phát tiền và 04 phiếu chi ngày 15/02/2011. Song bị cáo và các Luật sư cho rằng việc ký các giấy tờ nêu trên là thực hiện nhiệm vụ của Phó chủ tịch thường trực phụ trách tài khoản, trên cơ sở các cán bộ phụ trách thực hiện công việc trình bị cáo ký. Bị cáo không thừa nhận được phân công triển khai thực hiện Quyết định 74, không tham gia trực tiếp cấp tiền; việc giữ tiền là giữ hộ cho Ủy ban xã và đã giao lại đủ cho Thủ quỹ S thể hiện tại 04 phiếu chi 143, 144, 145, 146 ngày 15/02/2011 có chữ ký của S ở nơi người nhận tiền.

Bị cáo và các Luật sư bào chữa, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không phân công Điều tra viên điều tra vụ án; không tống đạt đủ thủ tục tố tụng cho bị cáo; dùng biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh có nhiều sai sót, không khách quan làm căn cứ quy kết bị cáo chiếm đoạt; xác định sai tư cách Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh là Nguyên đơn dân sự; hồ sơ chưa chứng minh được ngày và người cấp tiền; lời khai của người liên quan, người làm chứng còn có mâu thuẫn không nhất quán nên chưa đủ căn cứ xác định 47 hộ chưa nhận được tiền vì thế chưa có cơ sở xác định thiệt hại 141.000.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt. Từ đó, bị cáo và các Luật sư đề nghị cấp phúc thẩm tuyên xử bị cáo không phạm tội hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, Cơ quan điều tra ngay từ đầu khởi tố vụ án "*Tham ô tài sản*" có phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên tham gia giải quyết vụ án. Do tội danh này không được Viện kiểm sát phê chuẩn nên Cơ quan điều tra thay đổi quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can sang tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" nhưng không ra quyết định

thay đổi phân công Phó thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên là có sai sót về tố tụng. Sau khi bản án sơ thẩm lần thứ nhất số 05/2017/HSST ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị cấp phúc thẩm hủy án, Cơ quan điều tra có phân công lại Phó thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên tham gia giải quyết vụ án. Lần này quyết định phân công Điều tra viên lại có ghi sai về tội danh. Việc này đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi có văn bản giải trình ngày 05/01/2018. Án sơ thẩm xác định cơ quan điều tra có vi phạm về tố tụng nhưng không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng là đúng. Bởi vì, sai sót ở đây là ghi sai về tội danh chứ không phải không phân công điều tra viên, nên căn cứ điểm o khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng hình sự xét thấy trường hợp vi phạm tố tụng này không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án.

Đối với biên bản xác minh của xã có sai sót về ngày giờ, người tham gia xác minh nhưng đây là cơ sở ban đầu để báo cáo về tin báo tội phạm. Còn việc Điều tra có hay không người chưa nhận được tiền là do Cơ quan điều tra thực hiện theo quy trình tố tụng. Thực tế qua điều tra, đối chất có cơ sở kết luận 47 hộ thuộc đối tượng có danh sách được hưởng tiền chính sách chuyển đổi nghề với số tiền 141.000.000 đồng chưa nhận được tiền nên thiệt hại có xảy ra là thực tế. Đồng thời tiền này là tiền thuộc ngân sách nhà nước giao cho xã thực hiện cấp phát cho dân, đã được quyết toán xong nhưng dân chưa được nhận, bị chiếm đoạt tại thời điểm xã đang quản lý nên Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh huyện Đầm Dơi là nguyên đơn dân sự trong vụ án là đúng. Ngoài ra các quyết định tố tụng như khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Kết luận điều tra, Cáo trạng … đều được tống đạt hợp lệ cho bị cáo theo quy định không phải như các Luật sư nêu ra là không tống đạt cho bị cáo các quyết định tố tụng. Do đó không có cơ sở để hủy án sơ thẩm như lời bào chữa của bị cáo cũng như các Luật sư đặt ra.

[4] Xét hành vi của bị cáo Trần Hoàng A thấy rằng, việc bị cáo được giao nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh thực hiện Quyết định 74 của Chính phủ trong cấp phát tiền chính sách chuyển đổi nghề cho đồng bào dân tộc nghèo, cận nghèo là có. Được chứng minh thông qua lời khai của các cán bộ trong ban thường vụ đảng ủy xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Chính vì vậy mà việc thực hiện Quyết định 74 bị cáo là người trực tiếp tham gia. Từ chỗ bị cáo chỉ đạo cho các trưởng ấp gồm: Đặng Hoàng Đ, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh T, Lê Văn T lập danh sách và thông báo cho các hộ thuộc đối tượng được hưởng chính sách gửi về Ủy ban xã hoặc trực tiếp lên Ủy ban xã làm thủ tục được hưởng chính sách hỗ trợ. Bị cáo trực tiếp ký giấy và chỉ đạo cho cán bộ là Võ Hồng S, Nguyễn Văn V rút tiền về giao bị cáo cất giữ. Điều đáng nói là chính bị cáo quản lý tiền và trực tiếp phát tiền cho từng hộ dân; mượn người khác ký hộ danh sách người nhận tiền; ký danh sách quyết toán nhưng không phải đúng những người đã được nhận tiền. Mặc dù bị cáo và các Luật sư không thừa nhận bị cáo là người cấp phát tiền nhưng căn cứ vào kết quả đối chất với người được nhận tiền thì có đủ cơ sở khẳng định

việc cấp phát tiền là do bị cáo trực tiếp thực hiện. Điều này được chứng minh rõ hơn thông qua lời khai của Thạch Văn T người cho bị cáo mượn nhà để cấp phát tiền trong khi anh T chưa nhận được tiền. Chính ông T khai tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nói trường hợp của anh là hộ cận nghèo nên sẽ được nhận sau.

Bị cáo và các Luật sư tranh luận cho rằng bị cáo đã giao đủ tiền cho Thủ quỹ S thông qua việc anh S ký nhận ở 04 phiếu chi ngày 15/02/2011, việc có chi tiền hay không là do S thực hiện. Tại Hồ sơ không có chứng cứ nào thể hiện ông S là người chi tiền, tại phiên tòa ông S, ông N đều khai việc lập và ký các phiếu chi tiền là do thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo để thanh quyết toán. Hơn nữa theo ông N, ông S xác định khi nhận tiền về bị cáo cất giữ và tự chi không giao cho Kế toán, Thủ quỹ nên không thực hiện việc nhập quỹ bằng phiếu thu. Vì vậy, không có cơ để chấp nhận lời bào chữa này của bị cáo và các Luật sư.

Từ các chứng cứ nêu trên xét thấy có đủ cơ sở kết luận số tiền 141.000.000 đồng chưa cấp phát cho 47 đối tượng thuộc diện chính sách được hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề ở địa bàn xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi là do bị cáo Trần Hoàng A cất giữ, chiếm đoạt. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*" là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo Trần Hoàng A là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở địa phương, thực hiện chủ trương của Chính phủ hỗ trợ tiền cho đồng bào dân tộc nghèo chuyển đổi ngành nghề phát triển kinh tế nâng cao đời sống ổn định tình hình kinh tế, xã hội và an ninh trật tự tại địa phương. Thế nhưng bị cáo đã lợi dụng sự quản lý không chặt chẽ của xã, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền của ngân sách, không cấp phát được đến người dân, làm ảnh hưởng lớn đến trật tự xã hội ở địa phương, mất niềm tin của nhân dân vào cán bộ, cơ quan nhà nước. Hành vi của bị cáo Trần Hoàng A là rất nghiêm trọng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, chiếm đoạt 141.000.000 đồng mà lẽ ra được đến với nhiều hộ gia đình sẽ giải quyết được vấn đề cuộc sống của các hộ nghèo đồng bào dân tộc. Tội phạm do bị cáo Trần Hoàng A thực hiện thuộc nhóm các tội phạm tham nhũng, cần phải bị xử lý nghiêm khắc. Sau khi phạm tội bị cáo không nhận thức được sai trái, tìm mọi cách bào chữa che đậy hành vi, đổ lỗi cho người khác. Hơn nữa không chỉ chiếm đoạt tiền hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề của đồng bào dân tộc theo Quyết định 74 mà bị cáo còn có hành vi vi phạm đang bị khởi tố điều tra về hành vi chiếm đoạt tiền chính sách trong việc thực hiện Quyết định 290 của Thủ tướng chính phủ hỗ trợ đối với người có công. Do đó, án sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa nghiêm trị bị cáo vừa góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng A; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 355; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng A 07 (bảy) năm tù về tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Cấm Trần Hoàng A đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý kinh tế nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc Trần Hoàng A trả lại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau số tiền chiếm đoạt 141.000.000 đồng (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo chậm thi hành khoản tiền trên, hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau thực hiện chi cấp tiền cho các đối tượng chưa nhận tiền hỗ trợ theo Quyết định 74 khi bị cáo trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chánh số tiền chiếm đoạt nêu trên đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 236/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Hoàng A phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Trần Trọng Nhân